TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9 – 2024
Về việc ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 394/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Văn Công C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960

Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị B*, anh* C*, bà* T*, ông* G *vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B *trình bày:* Năm 2019, chị và anh Văn Công C tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị và anh C tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chị và anh C đã ly thân từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh C không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Văn Công C. Về con chung, chị và anh C có một người con chung là cháu Nguyễn Văn Công T1 sinh ngày 23/10/2020. Từ khi ly thân, cháu T1 sống với chị, chị là người chăm sóc cháu T1, anh C không quan tâm thăm nom, chăm sóc và chu cấp tiền để nuôi cháu T1. Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn Công T1, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, yêu cầu chia 02 lượng vàng 24 K và 07 chỉ vàng 18K, đồng thời yêu cầu anh Văn Công C trả lại 03 lượng vàng 18K và 03 chỉ vàng 24K. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 20/12/2023, chị B có lời trình bày yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng/tháng. Ngày 26/8/2024, chị B có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung và đòi tài sản, chỉ yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng.

Bị đơn anh Văn Công C *đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T *trình bày:* Ngày 08/11/2020, anh Văn Công C có mượn của bà T và ông G 05 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng 24K và 15.000.000 đồng. Bà T có làm đơn yêu cầu độc lập vào ngày 01/4/2024 yêu cầu anh Văn Công C trả lại 05 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng 24 K và 15.000.000 đồng. Ngày 26/8/2024, bà T có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng G1 *trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị T. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận chị B và anh C là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Nguyễn Văn Công T1, sinh ngày 23/10/2020 cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 1.725.000 đồng cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, đòi tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc B và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Văn Công C. Khi khởi kiện, anh Chí T2 tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị B, bà T, ông G1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị B, anh C, bà T, ông G1.

Tại đơn khởi kiện, chị B yêu cầu chia 02 lượng vàng 24K và 07 chỉ vàng 18K, đồng thời yêu cầu anh Văn Công C trả lại 03 lượng vàng 18K và 03 chỉ vàng 24K. Ngày 26/8/2024, chị B có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung và đòi tài sản. Xét thấy, việc chị B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị B về yêu cầu chia tài sản chung và đòi tài sản.

Bà Phạm Thị T có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh Văn Công C trả lại 05 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng 24 K và 15.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà T rút lại yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu anh Văn Công C trả lại 05 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng 24 K và 15.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, chị B và anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị B và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 và đã có một người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị B yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh C có 01 người con là cháu Nguyễn Văn Công T1, sinh ngày 23/10/2020, hiện đang sống chung với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn Công T1. Anh C đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị B nhưng anh C không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị B. Xét thấy, từ khi ly thân, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Công T1 và chăm sóc tốt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Nguyễn Văn Công T1, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cháu Nguyễn Văn Công T1, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Bíchtiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị B yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Ngày 20/12/2023, chị B có lời trình bày yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: "*2..mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không*

thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi con". Tại Điều 3 Nghị định số 74/NĐ-CP ngày 30/6/2024, quy định mức lương tối thiểu với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và danh mục kèm theo, anh C cư trú là thuộc khu vực vùng IV, có mức lương tối thiểu là 3.450.000 đồng/tháng. Như vậy, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 là 1.725.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng. Chị B đã nộp 2.595.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006384 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, đối trừ số tiền án phí phải nộp, chị B được nhận lại số tiền 2.295.000 đồng. Bà Phạm Thị T đã nộp 1.842.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006748 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được hoàn lại. Anh Văn Công C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Văn Công C là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Văn Công T1, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu

Nguyễn Văn C1 T1 đang sống với chị Nguyễn Thị Ngọc B. Anh Văn Công C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Văn Công C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Văn Công T1, sinh ngày 23/10/2020 mỗi tháng 1.725.000 đồng cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 30/9/2024.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị B về yêu cầu chia tài sản chung là 02 lượng vàng 24 K và 07 chỉ vàng 18K và yêu cầu anh Văn Công C trả lại 03 lượng vàng 18K và 03 chỉ vàng 24K. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu anh Văn Công C trả lại 05 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng 24 K và 15.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng. Chị B đã nộp 2.595.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006384 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, đối trừ số tiền án phí phải nộp, chị B được nhận lại số tiền 2.295.000 đồng. Bà Phạm Thị T đã nộp 1.842.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006748 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được hoàn lại. Anh Văn Công C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào